

Bản án số: **04/2020/DS-ST**.

Ngày: 22/01/2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Văn Tám**.

+ Ông **Võ Văn Cường**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Quốc Hiến** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 22 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 368/2019/TLST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299A/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị B** (tên gọi khác Cô 8), sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị P**, sinh năm 1976.(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I/ Phần trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà B và bà P là bà con lối xóm, nhà gần nhau, bà B thấy bà P có mở và làm đầu thảo nhiều dây hụi, và làm ăn rất uy tín, nếu ai hốt hụi thì giao đầy đủ, nên tin tưởng, nên có tham gia góp nhiều dây hụi do bà P làm đầu thảo. Đến ngày 28/9/2019 bà P ngưng hụi và không trả tiền hụi lại cho bà B. Cụ thể như sau:

A - Hụi tháng: (một tháng khui một lần).

Đây 1: Khui ngày 20/6/2017(âm lịch), hụi tiền, mỗi phần là 1.000.000đ, một tháng khui một lần, dây hụi có 26 phần, bà B góp một phần, và góp được 26 kỳ hụi

sống X 1.000.000đ = 26.000.000đ. Hiện nay dây hui này đã mãng. Nhưng bà P không giao tiền hốt hui lại cho bà B.

Dây 2: Khai ngày 10/9/2017 (âm lịch), hui tiền, mỗi phần là 1.000.000đ, một tháng khai một lần, dây hui có 27 phần, bà B góp 02 phần, và góp được 25 kỳ hui sống X 1.000.000đ X 02 phần = 50.000.000đ.

Dây 3: Khai ngày 10/12/2017 (âm lịch), hui tiền, mỗi phần là 1.000.000đ, một tháng khai một lần, dây hui có 25 phần, bà B góp 02 phần và góp được 22 kỳ hui sống X 1.000.000đ X 02 phần = 44.000.000đ.

Dây 4: Khai ngày 20/02/2018 (âm lịch), hui tiền, mỗi phần là 1.000.000đ, một tháng khai một lần, dây hui có 28 phần, bà B góp 02 phần và góp được 19 kỳ hui sống X 1.000.000đ X 02 phần = 38.000.000đ.

Dây 5: Khai ngày 20/3/2018(âm lịch), hui tiền, mỗi phần là 1.000.000đ, một tháng khai một lần, dây hui có 28 phần, bà B góp 02 phần và góp được 18 kỳ hui sống X 1.000.000đ X 02 phần = 36.000.000đ.

Dây 6: Khai ngày 20/4/2018 (âm lịch), hui tiền, mỗi phần là 1.000.000đ, một tháng khai một lần, dây hui có 22 phần, bà B góp 02 phần và góp được 17 kỳ hui sống X 1.000.000đ X 02 phần = 34.000.000đ.

Dây 7: Khai ngày 10/01/2019 (âm lịch), hui tiền, mỗi phần là 1.000.000đ, một tháng khai một lần, dây hui có 28 phần, bà B góp 01 phần, và góp được 8 kỳ hui sống X 1.000.000đ = 8.000.000đ.

B - Hui Mùa: (ba tháng khai 1 lần theo vụ lúa).

Dây 8: Khai ngày 30/4/2017 (âm lịch), hui tiền, mỗi phần là 5.000.000đ, ba tháng khai một lần, dây hui có 14 phần, bà B góp 01 phần và góp được 10 kỳ hui sống X 5.000.000đ = 50.000.000đ.

Dây 9: Khai ngày 15/01/2018 (âm lịch), hui tiền, mỗi phần là 5.000.000đ, ba tháng khai một lần, dây hui có 16 phần, bà B góp 02 phần, bà B góp được 7 kỳ hui sống X 5.000.000đ X 02 phần = 70.000.000đ.

Dây 10: Khai ngày 25/01/2019 (âm lịch), hui tiền, mỗi phần là 5.000.000đ, ba tháng khai một lần, dây hui có 16 phần, bà B góp 01 phần và góp được 03 kỳ hui sống X 5.000.000đ = 15.000.000đ.

Sau khi ngưng hui bà P còn nợ bà B 7 dây hui tháng và 03 dây hui mùa tổng cộng là 371.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay bà B cũng chấp nhận trả lại cho bà P số tiền hoa hồng mà hai bên đã thỏa thuận là hui 1.000.000đ tiền hoa hồng là 300.000đ/1 phần và hui 5.000.000đ là 1.500.000đ/1 phần. Cụ thể 12 phần hui 1.000.000đ X 300.000đ/1 phần = 3.600.000đ; 4 phần hui 5.000.000đ X 1.500.000đ = 6.000.000đ. Tổng cộng là 9.600.000đ tiền hoa hồng.

Nay bà B khởi kiện yêu cầu bà P trả toàn bộ số tiền hui là 371.000.000 trừ 9.600.000đ tiền hoa hồng. Còn lại là 361.400.000đ và yêu cầu trả một lần sau khi có hiệu lực pháp luật.

II/ Phần trình bày của bị đơn bà Phạm Thị P:

Bà Phạm Thị P dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của bà B đòi bà P trả tiền nợ 10 dây hui là 371.000.000đ, và triệu tập

hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng bà P vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến về việc vắng mặt của bà cũng như yêu cầu khởi kiện của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng góp hui với bà P có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về việc giải quyết vụ án vắng mặt đương sự.

Bà Phạm Thị P là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho bà P Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của bà B đòi bà P trả tiền nợ 10 dây hui là 371.000.000đ, và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng bà P vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến về việc vắng mặt của bà P cũng như yêu cầu khởi kiện của bà B. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 xét xử vắng mặt bà P.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà B trình bày do quen biết và là bà con lối xóm với nhau, biết bà P có mở và làm đầu thảo nhiều dây hui để hưởng hoa hồng và làm ăn có uy tín, nên bà B tin tưởng, từ năm 2017 đến năm 2019 bà B tham gia góp 7 dây hui tháng và 03 dây hui mùa. Đến ngày 28/9/2019 bà P tuyên bố ngưng hui, mà không trả lại tiền hui cho bà B. Nên bà B khởi kiện đòi bà P trả tiền 10 dây hui, tổng cộng là 371.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay bà B đồng ý trừ lại 9.600.000đ tiền hoa hồng cho bà P. Còn lại là 361.400.000đ. Kèm theo đơn kiện bà B cung cấp cho Tòa án 10 danh sách hui viên, theo bà B khai là các danh sách hui viên này bà P viết, ký tên và giao cho bà cất giữ ngay lúc ban đầu khi mở dây hui. Còn bị đơn bà P vắng mặt không lý do và bà P cũng không có ý kiến gì về việc vắng mặt của mình và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà B. Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho bà P Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ hui của bà B và triệu tập hợp lệ bà P đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy xem như bà P từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà B. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay bà B khai là sau khi bà P ngưng hui nhiều hui viên có đơn gửi UBND xã B yêu cầu hòa giải để bà P trả lại tiền hui. UBND xã B có mời bà P nhiều lần, bà P có biết nhưng không đến nên không hòa giải được. Mặt khác tại phiên tòa hôm nay bà B có cung cấp cho Tòa án lời khai của những người cùng góp dây hui chung với bà gồm các ông (bà) Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T. Những người này cùng tham gia góp chung dây hui với bà B do bà P làm

đầu thảo đều xác định là bà B có tham gia góp 10 dây hụi do bà P làm đầu thảo nêu trên và khi ngưng hụi bà P không trả tiền hụi cho tất cả các hụi viên như bà B trình bày là đúng. Nhận thấy lời khai của những người này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và có xác nhận của chính quyền địa phương nên được chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định là bà P có mở và làm đầu thảo nhiều dây hụi, đến nay đã ngưng hụi nhưng không trả tiền cho các hụi viên, hiện nay còn nợ bà B 07 dây hụi tháng và 03 dây hụi mùa tổng cộng là 371.000.000đ tiền hụi, trừ tiền hoa hồng bà P được hưởng là 9.600.000đ. Còn lại là 361.400.000đ là có căn cứ và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

-Xét yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật của nguyên đơn bà B.

Nhận thấy theo bà B khai là khi góp hụi hai bên thỏa thuận: Người hụi viên phải góp hụi đầy đủ tiền hụi khi đến kỳ khui hụi và được nhận tiền hụi khi hốt hụi; Người làm đầu thảo có trách nhiệm giao đủ tiền cho hụi viên khi hụi viên hốt hụi và được hưởng tiền hoa hồng theo thỏa thuận. Như vậy khi bà B hốt hụi cuối đối với dây hụi khui ngày 20/6/2017 (al) bà P không giao tiền hụi cho bà B, các dây hụi còn lại khi đang thực hiện thì bà P tuyên bố ngưng hụi và cũng không giao tiền hụi lại cho bà B. Cho thấy bà P là người có lỗi đã vi phạm nghĩa vụ cam kết ban đầu khi giao kết hợp đồng góp hụi. Nay bà B đòi bà P phải trả lại toàn bộ tiền hụi là có căn cứ và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử cần buộc bà P trả cho bà B 361.400.000đ tiền nợ hụi một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật là đúng quy định pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 29 Nghị Định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà B, nên bị đơn bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 357; 468 và 471 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 26 và 27 Nghị Định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

- Căn cứ các Điều 28, 29, 30 và Điều 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

- Buộc bà Phạm Thị P trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền nợ 10 dây hụi là 361.400.000 đồng (Ba trăm, sáu mươi một triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Thời gian trả: Trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà P chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà P phải chịu 18.070.000 đồng (Mười tám triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà B số tiền tạm ứng án phí là 4.637.500 đồng (Bốn triệu, sáu trăm, ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai số 0002580 ngày 12/11/2019 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự nguyên đơn bà B được quyền được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án. Để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè ;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

PHẠM THANH DŨNG